

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày: 14/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc.

2. Ông Huỳnh Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quốc, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/TLST-HS ngày 22/6/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HS ngày 30/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Đồng Đình Q, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; tên gọi khác: Thắng. Nơi cư trú: Số 309, đường N, phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xe Honda đồ; trình độ học vấn 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn B, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1966; tiền án: 01 lần, ngày 26/11/2008 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; anh chị em ruột: 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1995; bị bắt, tạm giữ ngày 12/11/2017, tạm giam ngày 15/11/2017 (*Bị cáo có mặt*);

2. Bị cáo Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Số 80/59/108, đường D, phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phương G, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1962; tiền án: 01 lần, ngày 26/12/2008 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”; tiền sự: 01 lần, ngày 07/01/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng; anh chị em ruột: Không; vợ: Trần Thị Diệu A, sinh năm

1990; con: Trần Tuấn K, sinh năm 2016; bị bắt, tạm giữ ngày 12/11/2017, tạm giam ngày 15/11/2017 (*Bị cáo có mặt*);

3. **Bị cáo Nguyễn Văn C**, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số 214, Lô G, Cư xá T, phường 27, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 (chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959; tiền án: 01 lần, ngày 26/11/2008 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; anh chị em ruột: 03 người, lớn nhất sinh năm 1985 nhỏ nhất là bị cáo; bị bắt, tạm giữ ngày 12/11/2017, tạm giam ngày 15/11/2017 (*Bị cáo có mặt*);

- **Bị hại:** Bà Lâm Thị P, sinh năm 1967, nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (*Có mặt*);

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Phạm Hoàng K sinh năm 1999, nơi cư trú: Ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*);

- **Người làm chứng:**

1. Anh Thạch S, sinh năm 1976 (*Vắng mặt*);

2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1955 (*Vắng mặt*);

Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 5 giờ ngày 12/11/2017 Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô biển số 51P5 - 9473 chở Trần Thị Diệu A, Đồng Đình Q điều khiển xe mô tô biển số 51Y1- 6842 chở Nguyễn Văn C trên Quốc lộ 53, hướng thành phố Trà Vinh – thị xã Duyên Hải, khi đến ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì H phát hiện bà Lâm Thị P đang điều khiển xe mô tô biển số 71B1- 487.84 chạy cùng chiều phía trước, trên cổ có đeo một sợi dây chuyền vàng 18K, H nảy sinh ý định cướp giật sợi dây chuyền nên chạy xe vượt lên kê Q và C giật dây chuyền, C và Q đồng ý. Q điều khiển xe chạy lên áp sát phía bên trái xe của bà P, C ngồi phía sau dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền trên cổ của bà P nhưng chỉ giật được phần mặt của sợi dây chuyền, còn phần sợi dây chuyền thì bị đứt dính trên cổ áo, lúc này bà P truy hô “cướp, cướp”. Q tăng ga chở C bỏ chạy về hướng Duyên Hải, H chở A chạy phía sau, khi bỏ chạy được một đoạn khoảng 800 mét thì bà P đuổi kịp nên Q và H điều khiển xe quay về hướng thành phố Trà Vinh, bà P tiếp tục đuổi kịp nên Q, C, H quay đầu xe chạy về hướng Duyên Hải, H kê C qua xe của H chở ba (H điều khiển, A ngồi giữa, C ngồi sau cùng) để tẩu thoát, còn Q thì điều khiển xe chạy một mình về hướng huyện T, khi đến gần khu vực chợ Ngũ Lạc, huyện D thì H dừng xe cho A xuống, H điều khiển xe chở C về hướng huyện T, trên đường đi H hỏi C giật được gì, C trả lời giật được mặt dây chuyền rồi C tiếp tục cất giữ mặt

dây chuyền cướp giật được. Trên đường tẩu thoát đến đoạn đường thuộc ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì bị Công an bắt quả tang và quản lý tang vật. Quá trình điều tra Q, C, H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số 38 ngày 24/11/2017 của Hội Đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cầu Ngang, tổng giá trị tài sản trong vụ Cướp giật tài sản là: 13.406.800 đồng (Mười ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn tám trăm đồng).

Đối với Trần Thị Diệu A ngồi chung xe với H, A không tham gia bàn bạc Cướp giật tài sản cùng với C, Q, H nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKS-CN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Đồng Đình Q, bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Nguyễn Văn H về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo: Đồng Đình Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu; các bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng và quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị hại bà Lâm Thị P khai: Buổi sáng bà chạy xe mô tô đi chợ về trên đường thuộc ấp N, xã T, huyện Cầu Ngang bị Đồng Đình Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H chạy xe mô tô cùng chiều cướp giật sợi dây chuyền vàng 18K bà đeo trên cổ, bà la “cướp cướp” và rượt đuổi các bị cáo nhưng không bắt được, sau khi về nhà thì bà mới phát hiện sợi dây chuyền bị đứt còn dính trên cổ áo, bị mất mất dây chuyền. Nay bà đã nhận lại tài sản, bà xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bà không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Đồng Đình Q phạm tội cướp giật tài sản.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đồng Đình Q từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên không xét.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Đồng Đình Q thừa nhận hành vi dùng xe mô tô cướp giật tài sản là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Ngang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận vào khoảng 5 giờ ngày 12/11/2017 trên Quốc lộ 53, thuộc ấp Nô Công, xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Đồng Đình Q điều khiển xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Văn C cướp giật dây chuyền của bà Lâm Thị P, bị cáo C giật được mặt dây chuyền vàng 18K có cần đá màu xanh ô van trọng lượng 5 phân 13 li, khi bị bà P rượt đuổi thì bị cáo Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô kêu bị cáo Nguyễn Văn C lên xe để bị cáo Hà chở tẩu thoát và khi đến Trà cú thì bị Công an bắt. Xét lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, tang vật thu giữ được, kết luận định giá tài sản cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại trị giá 13.406.800 đồng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Cáo trạng số 12/CT -VKSCN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo cũng như luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là không oan sai, có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe, lẽ ra các bị cáo phải biết lao động tạo ra nguồn thu nhập chính đáng để nuôi sống bản thân giúp ít cho gia đình và xã hội, mà với bản tính không lao động nhưng muốn được hưởng lợi. Với tư tưởng và suy nghĩ đó nên các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu về an ninh và trật tự trong xã hội. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng hành vi, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

Xét vai trò của các bị cáo là đồng phạm giản đơn:

Bị cáo C là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại, bị cáo H và bị cáo Q là người giúp sức cho bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội cũng như quá trình tẩu thoát. Vì vậy đối với các bị cáo cần có một mức án thật nghiêm để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa các hành vi tương tự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C, bị cáo Q đều có tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị cáo H có tiền án về tội cướp tài sản và có một tiền sự về áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện, các bị cáo chưa được xóa án tích, xóa tiền sự, các bị cáo lại tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xét.

[5] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 xe mô tô biển số 51P5-9473; 01 xe mô tô biển số 51Y1-6842; 01 (một) điện thoại di động Nokia bàn phím màu vàng, model 6300-FCCIDPP1RM-217; tiền Việt Nam: 368.000đ (Ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Quá trình điều tra thu thập được xe mô tô biển số 51P5-9473 số khung VFCPCH0A2YF014529, số máy 1P50FMH10024486 (xe không rõ nguồn gốc – không có trên phần miềm quản lý đăng ký xe), không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; 01 (một) điện thoại di động Nokia bàn phím màu vàng, model 6300-FCCIDPP1RM-217 của bị cáo C và 368.000đ (Ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) của bị cáo H và bị cáo C không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo. Riêng xe mô tô biển số 51Y1-6842 bị cáo C cho rằng mua của người khác nhưng qua kết quả điều tra thì thấy rằng biển số xe là của bà Nguyễn Thị N đăng ký năm 2002 loại xe ba bánh, còn chiếc xe thực chất là biển số 83PT-193.62 có số máy RL8139FMBL1SE105983, số khung RP2DCB6UMEA005983 của anh Phạm Hoàng K ngụ ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đăng ký năm 2015, anh K trình bày đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh và bị mất năm 2017. Công an huyện Cầu Ngang làm rõ và đã trao trả lại anh K vào ngày 05/4/2018.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đồng Đình Q, bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đồng Đình Q 05 (Năm) năm tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 12/11/2017.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 05 (Năm) năm tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 12/11/2017.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 05 (Năm) năm tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 12/11/2017.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung công quỹ xe mô tô 51P5-9473 số khung VFCPCH0A2YF014529, số máy 1P50FMH10024486;

Tuyên trả bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động Nokia bàn phím màu vàng, model 6300 - FCCIDPP1RM-217 và 59.000 đồng, trả bị cáo Nguyễn Văn H 309.000 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Đồng Đình Q mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Công an huyện Cầu Ngang;
- Công an nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Tranh